

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 12/5/2023

V/v tranh chấp: “Chia tài sản
chung của vợ chồng sau ly
hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều

Bà Lê Thị Hồng Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Liễu Hạnh— Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:** Bà Mai Thị Đào
Quyên- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, xét
xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 20/2023/TLPT-
HNGĐ ngày 11 tháng 04 năm 2023 về việc tranh chấp: “Chia tài sản chung của
vợ chồng sau khi ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 32/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng
02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 570/2023/QĐ-PT ngày 13 tháng 4
năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Phát T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: khu L, thị trấn K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc N.

(Có mặt chị N, anh T).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo án sơ thẩm:**

-Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Chị và anh Huỳnh Phát T trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo bản án số 264/2022/HNGĐ-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang. Khi ly hôn chị và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

Tài sản chung của vợ chồng không thỏa thuận phân chia được là số tiền 100.000.000 đồng hiện do anh T cất giữ. Chị yêu cầu anh T phải chia đôi số tiền trên cho chị là 50.000.000 đồng.

-Bị đơn - anh Huỳnh Phát T trình bày:

Anh và chị N trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo bản án số 264/2022/HNGĐ-ST ngày 06/9/2022. Theo nội dung bản án về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận.

Trong quá trình sinh sống trước khi ly hôn anh là lao động chính, thu nhập chỉ đủ chi tiêu hàng ngày. Nay chị N khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là 100.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì thực tế anh không có giữ số tiền này.

* Bản án hôn nhân sơ thẩm số 32/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào Điều 33, Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

* Ngày 22/02/2023, chị Nguyễn Thị Ngọc N có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Huỳnh Phát T phải chia cho chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 50.000.000 đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày: Sau khi ly hôn, chị có nghe anh T nói trước khi kết hôn với chị, anh T có giữ số tiền 100.000.000 đồng. Vì vậy, chị vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh T phải chia cho chị số tiền 50.000.000 đồng.

- Anh Huỳnh Phát T trình bày: Anh không có nói với chị N về số tiền trên và thực tế anh cũng chưa bao giờ có số tiền này. Vì vậy, anh không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị N, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Yêu cầu kháng cáo của chị N là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc N còn trong thời hạn quy định nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Chị N và anh T trước đây là vợ chồng, đã ly hôn theo bản án số 264/2022/HNGĐ-ST ngày 06/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện C. Khi ly hôn, về phần tài sản hai bên tự thỏa thuận.

Căn cứ vào hồ sơ giải quyết việc ly hôn trước đây của anh chị thể hiện trong bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 20/7/2022, chị N trình bày: *“Tài sản chung của vợ chồng là số tiền mặt 23.000.000 đồng hiện chị đang cất giữ”*.

Tại phiên tòa, chị N thừa nhận số tiền này khi giải quyết ly hôn anh T đã cho chị và chị cũng đã tiêu xài hết. Sau đó, chị có nghe anh T nói là trước khi kết hôn với chị, anh T có giữ số tiền 100.000.000 đồng, nên chị cho rằng số tiền này là tài sản chung của vợ chồng, yêu cầu anh T phải chia cho chị $\frac{1}{2}$ là 50.000.000 đồng.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị N là không có căn cứ, bởi lẽ chị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh tài sản chung của vợ chồng có số tiền 100.000.000 đồng do anh T cất giữ mà chị chỉ nghe anh T nói là trước khi kết hôn anh T có giữ số tiền trên trong khi anh T không thừa nhận.

Hơn nữa, nếu anh T có giữ số tiền 100.000.000 đồng trước khi kết hôn với chị N thì số tiền này cũng là tài sản riêng của anh T, anh T có quyền chia hoặc không chia cho chị N.

Mặt khác, tại phiên tòa anh T trình bày khi kết hôn với chị N, anh T là lao động chính trong gia đình, anh T đi làm thuê, chị N ở nhà nội trợ, mọi chi tiêu sinh hoạt của gia đình do anh T chi trả. Khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng chỉ có số tiền 23.000.000 đồng, anh T không yêu cầu chia mà cho chị N hết số tiền này. Lời trình bày của anh T phù hợp với các chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời trình bày của chị N trong quá trình giải quyết vụ án nên yêu cầu khởi kiện của chị N không có căn cứ để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc chia đôi số tiền 100.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm cũng còn có những thiếu sót như: Xác định sai quan hệ pháp luật tranh chấp, áp dụng điều luật chưa chính xác và buộc chị N phải chịu án phí có giá ngạch là chưa phù hợp với quy định pháp luật.

Những thiếu sót nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không nghiêm trọng và có thể khắc phục được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể:

- Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

- Không áp dụng Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để bác yêu cầu khởi kiện của chị N.

- Không buộc chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch mà chỉ buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[3]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát có một phần phù hợp với nhận định nêu trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[4]. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309; Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b Khoản 5 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Ngọc N.

Sửa một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 32/2023/HNGĐ-ST ngày 07- 02- 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc N về việc yêu cầu anh Huỳnh Phát T phải chia cho chị Nguyễn Thị Ngọc N số tiền 50.000.000 đồng.

2/- Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí phúc thẩm.

Chị N đã nộp tạm ứng án phí 625.000 đồng theo biên lai số 0010697 ngày 07/12/2022 và 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số 0011031 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang, nên chị N được hoàn trả lại số tiền 625.000 (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai trên.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thu Thủy